

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn lập và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước

Căn cứ Luật Đường sắt số 35/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá; Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1082/QĐ-TTg ngày 14/7/2010 và Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 09/08/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thay đổi thẩm quyền định giá sản phẩm công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia, đường bộ và đường thủy nội địa thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch;

Liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về lập và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định hướng dẫn về lập và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng hoặc giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là đơn vị) thực hiện việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia; các cơ quan, tổ chức kinh tế được giao kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia.

Điều 3. Nguyên tắc xác định giá

Giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia được xác định đảm bảo bù đắp chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ để hoàn thành một đơn vị khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích quy định trong quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia; phù hợp với quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và trạng thái kỹ thuật của từng công trình, hoặc từng hạng mục công việc cụ thể; phù hợp với tình hình thị trường nơi thi công và khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Không tính trong giá sản phẩm, dịch vụ các khoản chi phí đã được ngân sách nhà nước đảm bảo.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Kết cấu và phương pháp xác định giá

1. Kết cấu giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia dùng để đặt hàng, giao kế hoạch cho các đơn vị thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư liên tịch này, bao gồm:

- Chi phí nguyên, vật liệu, năng lượng;
- Chi phí nhân công;
- Chi phí máy, thiết bị, phương tiện;
- Chi phí trực tiếp khác;
- Chi phí chung;

- Thu nhập chịu thuế tính trước;
- Thuế giá trị gia tăng.

2. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia theo yêu cầu phải có tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế, tư vấn lập dự án, các công việc tư vấn khác thì việc xác định các khoản chi phí này được vận dụng theo các quy định của Bộ Xây dựng.

3. Phương pháp xác định giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Điều 5. Sử dụng các định mức kinh tế kỹ thuật

Việc xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia phải sử dụng hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định giá

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức Nhà nước đặt hàng hoặc giao kế hoạch sử dụng nguồn ngân sách trung ương do Bộ Giao thông vận tải quy định hoặc Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cho các cơ quan, tổ chức kinh tế được giao kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước quy định, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp Bộ Giao thông vận tải thực hiện ủy quyền thì Bộ Giao thông vận tải có văn bản phân công cụ thể cho các cơ quan đơn vị để thực hiện việc định giá theo quy định.

Điều 7. Thời điểm quyết định giá

1. Việc quyết định giá sản phẩm, dịch vụ công ích được thực hiện sau khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền thông qua.

2. Thời hạn thẩm định và quyết định giá thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá.

Điều 8. Điều chỉnh giá hợp đồng đặt hàng; mức trợ giá, trợ cấp cho sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

Việc điều chỉnh giá hợp đồng đặt hàng; mức trợ giá, trợ cấp cho sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 9. Kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá

1. Việc kiểm tra chấp hành các quy định về quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo quy

định tại Thông tư liên tịch này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Các đơn vị có hành vi vi phạm quy định tại Thông tư Liên tịch này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền xử phạt cụ thể, trình tự, thủ tục xử phạt thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Bộ Giao thông Vận tải

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, cơ quan chức năng thực hiện quản lý giá theo quy định tại Thông tư liên tịch này và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật theo thẩm quyền; quy trình, quy phạm trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia làm căn cứ để xây dựng giá;

c) Chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia theo quy định tại Thông tư liên tịch này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bộ Tài chính

a) Thực hiện việc quản lý giá theo quy định tại Thông tư liên tịch này và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Hàng năm, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương để thực hiện việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia;

c) Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện giá sản phẩm công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia theo quy định tại Thông tư liên tịch này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đơn vị được Nhà nước đặt hàng hoặc giao kế hoạch

a) Căn cứ quy định tại Thông tư liên tịch này để tính toán giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng hoặc giao kế hoạch.

b) Thực hiện và chịu trách nhiệm việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đảm bảo chất lượng, khối lượng, thời gian hoàn thành theo quy định.

c) Chấp hành nghiêm chỉnh quy định tại Thông tư liên tịch này, quy định của pháp luật về quản lý giá và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây về quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia trái với nội dung của Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hồng Trường

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn Hiếu

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương Đảng; VP Chính phủ;
- VP ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng Trung ương;
- UB Quốc phòng An ninh của QH, VP Quốc hội;
- Viện KSNDTC;
- Toà án NDTC;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ, Tổng Kiểm toán NN;
- UBND và Sở TC, Sở GTVT, Cục Thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Ktra VB (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Website CP;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
- Website Bộ TC, Bộ GTVT;
- Lưu: Bộ Tài chính (VT, QL);
Bộ GTVT (VT, TC).



PHỤ LỤC SỐ 01

KẾT CẤU GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA THEO PHƯƠNG THỨC ĐẶT HÀNG, GIAO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 76 /2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 6/6/2011 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải)

1. Kết cấu giá sản phẩm, dịch vụ công ích

TT	Nội dung	Cách tính
1	Chi phí vật liệu (VL)	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^{VL}$
2	Chi phí nhân công (NC)	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^{NC} \times (1 + K_{nc})$
3	Chi phí máy (M)	$\sum_{j=1}^n Q_j \times D_j^M \times (1 + K_{mtc})$
4	Chi phí trực tiếp khác (TT)	$(VL + NC + M) \times 1,0\%$
5	Chi phí chung (C)	
	Nhiệm vụ quản lý, sửa chữa thường xuyên và sửa chữa vừa:	NC x 66%
	Nhiệm vụ sửa chữa lớn:	$(VL + NC + M + TT) \times 5,3\%$
6	Thu nhập chịu thuế tính trước (TL)	$(VL + NC + M + TT + C) \times 6\%$
7	Giá sản phẩm, dịch vụ công ích trước thuế (G_{TT})	$(VL + NC + M + TT + C + TL)$
8	Thuế giá trị gia tăng (T^{GTGT})	$G_{TT} \times T^{GTGT}$
9	Giá sản phẩm, dịch vụ công ích sau thuế (G)	$G_{TT} + GTGT$

- Trong đó:

+ Q_j là khối lượng công tác quản lý, bảo trì thứ j ($j=1 \div n$).

+ D_j^{VL} , D_j^{NC} , D_j^M là chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy của công tác quản lý, bảo trì thứ j. Chi phí vật liệu (D_j^{VL}), chi phí nhân công (D_j^{NC}), chi phí máy thi công (D_j^M) được tính toán chi tiết theo Phụ lục số 02 của Thông tư này.

+ K_{nc} , K_{mtc} là hệ số điều chỉnh nhân công, máy (nếu có).

+ G_{TT} : Giá sản phẩm, dịch vụ công ích trước thuế.

+ T^{GTGT} : Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng quy định cho công tác quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia.

+ G: Giá sản phẩm, dịch vụ công ích sau thuế.

- Đối với các nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão; ứng phó thiên tai, thảm họa: nếu phát sinh các khoản chi phí đài ngộ cho các lực lượng tham gia theo quy định (nằm ngoài chi phí nhân công) thì chi phí chung sau khi xác

định theo tỷ lệ nêu trên được bổ sung thêm các khoản chi phí đài ngộ cho các lực lượng tham gia theo quy định.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp được giao nhiệm vụ cung ứng sản phẩm công ích, trong giá không bao gồm các nội dung chi phí đã được ngân sách đảm bảo.

3. Đối với các chi phí tư vấn quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch này được tính riêng cho từng nhiệm vụ cụ thể.

www.LuatVietnam.vn

PHỤ LỤC SỐ 02



PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA THEO PHƯƠNG THỨC ĐẶT HÀNG, GIAO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 76 /2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 06/..6./2011 của Liên Bộ Tài chính – Giao thông vận tải)

1. Chi phí nguyên, vật liệu, năng lượng (sau đây gọi chung là vật liệu)

Chi phí vật liệu được xác định theo công thức:

$$VL = \sum_{i=1}^n (D_i \times G^{VL}_i) \cdot (1 + K^{VL})$$

Trong đó:

- D_i : Lượng vật liệu thứ i ($i=1 \div n$) tính cho một đơn vị khối lượng công việc quy định trong định mức kinh tế kỹ thuật.

- G^{VL}_i : Giá tại hiện trường của một đơn vị vật liệu thứ i ($i=1 \div n$), được xác định như sau:

+ Được xác định phù hợp với tiêu chuẩn, chủng loại và chất lượng vật liệu sử dụng, gắn với vị trí nơi thi công. Giá vật liệu xác định trên cơ sở giá thị trường, từ các nguồn thông tin: do tổ chức có chức năng cung cấp, hoặc báo giá của nhà sản xuất, hoặc thông tin giá của nhà cung cấp, hoặc giá của loại vật liệu có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự đã và đang được áp dụng cho công trình khác và được tính đến hiện trường công trình;

+ Đối với những vật liệu không có trên thị trường nơi thi công thì giá vật liệu bằng giá mua gốc xác định theo giá thị trường phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng và xuất xứ hàng hóa, cộng chi phí vận chuyển đến hiện trường và các chi phí khác có liên quan. Việc tính chi phí vận chuyển đến hiện trường và các chi phí khác có liên quan thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

+ Giá vật liệu sử dụng để tính toán là giá vật liệu chưa bao gồm thuế giá trị tăng.

- K^{VL} : Hệ số tính chi phí vật liệu khác so với tổng chi phí vật liệu chính quy định trong định mức kinh tế kỹ thuật.

- Trường hợp chi phí năng lượng (điện, xăng, dầu) vận hành máy, thiết bị đã tính trong đơn giá ca máy thì không tính trong khoản chi phí này.

2. Chi phí nhân công

Chi phí nhân công được xác định theo công thức:

$$NC = B \times g^{NC}$$

Trong đó:

- B: lượng hao phí lao động tính bằng ngày công trực tiếp theo cấp bậc bình quân cho một đơn vị khối lượng công việc quy định trong định mức kinh tế kỹ thuật.

- g^{NC} : đơn giá ngày công của công nhân trực tiếp được xác định trên cơ sở lương tối thiểu vùng, lương cấp bậc, các khoản phụ cấp lương; khoản lương phụ tính bằng 12% lương cơ bản; một số chi phí có thể khoán trực tiếp cho người lao động tính bằng 4% lương cơ bản; các phụ cấp khác nếu có.

- Trường hợp chi phí tiền công của công nhân vận hành máy, thiết bị đã tính trong đơn giá ca máy thì không tính trong khoản chi phí này.

3. Chi phí máy

Chi phí máy, thiết bị thi công được xác định bằng công thức sau:

$$M = \sum_{i=1}^n (M_i \times g_i^{MTC}) (1 + K^{MTC})$$

Trong đó:

- M_i : Lượng hao phí ca máy của loại máy, thiết bị thi công chính thứ i ($i=1 \div n$) tính cho một khối lượng công việc quy định trong định mức kinh tế kỹ thuật.

- g_i^{MTC} : Giá ca máy của loại máy, thiết bị thi công thứ i ($i=1 \div n$) theo bảng giá ca máy và thiết bị thi công của công trình hoặc giá thuê máy xác định theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

- K^{MTC} : Hệ số tính chi phí máy khác (nếu có) so với tổng chi phí máy, thiết bị chính quy định trong định mức kinh tế kỹ thuật.

- Giá ca máy sử dụng để tính toán là giá chưa bao gồm thuế giá trị tăng.

4. Chi phí trực tiếp khác

Chi phí trực tiếp khác bao gồm chi phí cho những công tác cần thiết phục vụ trực tiếp nhiệm vụ được giao như: di chuyển lực lượng lao động, máy thiết bị trong nội bộ công trường, bảo vệ môi trường cho người lao động và môi trường xung quanh, an toàn lao động, đảm bảo giao thông và chi phí khác chưa xác định trong định mức tiêu hao vật tư, nhân công, máy thiết bị.

Chi phí trực tiếp khác được tính tối đa bằng 1% tổng chi phí vật liệu, chi phí nhân công và chi phí máy.

5. Chi phí chung

a) Chi phí chung bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản chi có tính chất lương, các khoản đóng góp và các chế độ khác cho bộ máy quản lý; các khoản đóng góp và các chế độ khác của lao động trực tiếp sản xuất (chưa tính trong chi phí nhân công trực tiếp sản xuất); chi phí điện, nước, điện thoại, xăng xe, công tác phí, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ cho bộ máy quản lý; chi phí khấu hao tài sản cố định

phục vụ bộ máy quản lý đối với doanh nghiệp; chi hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết của đơn vị; chi phí chuyên quân, chi phí làm nhà tạm (hoặc thuê nhà trọ) cho lực lượng thi công và các chi phí khác mang tính chất quản lý có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích Nhà nước giao kế hoạch. Chi phí chung được tính như sau:

- Nhiệm vụ quản lý, sửa chữa thường xuyên và sửa chữa vừa: tối đa bằng 66% chi phí nhân công trực tiếp sản xuất.

- Nhiệm vụ sửa chữa lớn: tối đa bằng 5,3% chi phí trực tiếp (bao gồm chi phí vật liệu, nhân công, máy và chi phí trực tiếp khác).

- Đối với các nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực phòng, chống lụt, bão; ứng phó thiên tai, thảm họa: nếu phát sinh các khoản chi phí đãi ngộ cho các lực lượng tham gia theo quy định (nằm ngoài chi phí nhân công đã được quy định tại điểm 2 của phụ lục này) thì chi phí chung sau khi xác định theo tỷ lệ nêu trên được bổ sung thêm các khoản chi phí đãi ngộ cho các lực lượng tham gia theo quy định.

b) Đối với các công trình tại vùng núi, biên giới, hải đảo thì định mức tỷ lệ chi phí chung sẽ được điều chỉnh với hệ số từ 1,05 đến 1,1 do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định giá quyết định tùy điều kiện cụ thể của sản phẩm công ích.

6. Thu nhập chịu thuế tính trước:

Được tính tối đa bằng 6% tổng chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy, chi phí trực tiếp khác và chi phí chung.

7. Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng theo quy định hiện hành.